TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 80, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu D thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoài N, sinh ngày 06-8-2011 và Nguyễn Thị Hoài N1, sinh ngày 18-11-2016; hiện đang sống cùng chị L. Hai bên thỏa thuận, giao hai con Nguyễn Thị Hoài N và Nguyễn Thị Hoài N1 cho chị Lệ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cho 01 con, kể từ

tháng 01/2021 cho đến khi hai con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung:

+ Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu D thống nhất thỏa thuận: Rút yêu cầu về phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 tủ lạnh; số tiền mặt 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) hiện anh Nguyễn Hữu D đang giữ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 tủ lạnh; số tiền mặt 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu đồng) hiện anh Nguyễn Hữu D đang giữ.

+ Vợ chồng thống nhất không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu D mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh D phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thỏa thuận, chị L nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh D. Số tiền án phí chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007130 ngày 21 tháng 12 năm 2020. Trả lại cho chị L 4.575.000 (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tài sản đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn